

ETS 5 TESTS – SCRIPT & TRANS - PART 1 - TEST 01

<p>11. (M-Au) Where's the shoe department? (W-Am) (A) On the second floor. (B) Twenty-five dollars. (C) At eleven thirty.</p>	<p>11. Bộ phận giày dép ở đâu? (A) Ở tầng 2. (B) 25 đô la. (C) Lúc 11 giờ 30.</p>
<p>12. (M-Cn) Did you speak to Alan or his assistant? (W-Br) (A) Yes, he does. (B) His assistant. (C) The meeting's over.</p>	<p>12. Bạn đã nói chuyện với Alan hay là trợ lí của ông ấy? (A) Đúng vậy. (B) Trợ lí của ông ấy. (C) Cuộc họp đã kết thúc.</p>
<p>13. (W-Am) Is this seat taken? (M-Au) (A) Oh, I see. (B) No, it's not. (C) I'll take two, please.</p>	<p>13. Chỗ này có ai ngồi chưa? (A) Ồ, tôi hiểu rồi. (B) Chưa, không có ai ngồi cả. (C) Tôi sẽ lấy 2 cái.</p>
<p>14. (W-Br) How often do you travel to New York? (M-Au) (A) Every Tuesday. (B) By bus. (C) With some friends.</p>	<p>14. Bạn có thường tới New York không? (A) Mỗi thứ Ba. (B) Bằng xe buýt. (C) Với một vài người bạn.</p>
<p>15. (M-Cn) Why don't you join us for lunch? (W-Am) (A) The coffee shop. (B) Thanks, I'd like that. (C) A sandwich.</p>	<p>15. Bạn có muốn ăn trưa cùng chúng tôi không? (A) Tiệm cà phê. (B) Cảm ơn bạn, tôi đồng ý. (C) Một cái sandwich.</p>
<p>16. (M-Au) Who signed the letter? (M-Cn) (A) In the cabinet. (B) A couple of times. (C) Ms. Jin did.</p>	<p>16. Ai đã kí vào lá thư? (A) Ở trong tủ. (B) Một vài lần. (C) Là cô Jin.</p>

<p>17. (W-Am) You're training the new employees, aren't you?</p> <p>(W-Br) (A) That's right. (B) John was hired in March. (C) No, it's brand-new.</p>	<p>17. Bạn đang đào tạo nhân viên mới phải không?</p> <p>(A) Đúng vậy. (B) John đã được tuyển hồi tháng 3. (C) Không, nó hoàn toàn mới.</p>
<p>18. (M-Cn) When is your report due?</p> <p>(M-Au) (A) I'll have another. (B) Sixteen pages. (C) Next Thursday.</p>	<p>18. Khi nào thì báo cáo của bạn đến hạn nộp?</p> <p>(A) Tôi sẽ có cái khác. (B) 16 trang. (C) Thứ Năm tuần sau.</p>
<p>19. (W-Br) How long did you live in Japan?</p> <p>(M-Cn) (A) About five years. (B) In Kyoto. (C) Yes, I did.</p>	<p>19. Bạn đã sống ở Nhật Bản trong bao lâu?</p> <p>(A) Khoảng 5 năm. (B) Ở Kyoto. (C) Đúng vậy.</p>
<p>20. (W-Am) I have an appointment with Dr. Costa.</p> <p>(W-Br) (A) I'll tell her you're here. (B) He left it at home. (C) Because that's enough time.</p>	<p>20. Tôi có một cuộc hẹn với bác sĩ Costa.</p> <p>(A) Tôi sẽ nói với bà ấy là bạn đang ở đây. (B) Anh ấy đã để nó ở nhà. (C) Vì không có đủ thời gian.</p>
<p>21. (W-Am) Why weren't you at work yesterday?</p> <p>(M-Au) (A) By nine A.M. (B) Mr. Tanaka is. (C) I was at a conference.</p>	<p>21. Tại sao hôm qua bạn không đi làm?</p> <p>(A) Trước 9 giờ sáng. (B) Là ông Tanaka. (C) Tôi đã tham dự hội nghị.</p>
<p>22. (M-Cn) Hasn't the outgoing mail been picked up yet?</p> <p>(W-Br) (A) I can give you a ride. (B) Not that I know of. (C) Usually by express mail.</p>	<p>22. Những mail gửi đi đã được nhận chưa?</p> <p>(A) Tôi có thể cho bạn đi quá giang. (B) Theo tôi biết thì chưa. (C) Thường là bằng mail gửi nhanh.</p>
<p>23. (M-Au) Could you take notes for me at tomorrow's seminar?</p> <p>(W-Am) (A) Thanks you. (B) Room twenty-seven. (C) Sure, I can do that.</p>	<p>23. Bạn có thể ghi chú giúp tôi tại hội thảo chuyên đề ngày mai không?</p> <p>(A) Cảm ơn bạn. (B) Phòng 27. (C) Được, tôi có thể làm việc đó.</p>

<p>24. (W-Br) What was in that large package? (M-Cn) (A) It arrived last week, I think. (B) I found it in the hall. (C) The desk lamps that I ordered.</p>	<p>24. Có cái gì ở trong bưu kiện to đùng đó? (A) Tôi nghĩ nó đã đến đây hồi tuần trước. (B) Tôi tìm thấy nó ở sảnh. (C) Những cái đèn bàn mà tôi đã đặt hàng.</p>
<p>25. (W-Am) Do you have time to help me later? (M-Au) (A) Yes, she's over there. (B) Sorry, I'm busy all day. (C) My watch is broken.</p>	<p>25. Tí nữa bạn có thời gian giúp tôi không? (A) Có, cô ấy ở đằng kia. (B) Xin lỗi, tôi bận rộn cả ngày. (C) Đồng hồ của tôi bị vỡ.</p>
<p>26. (M-Cn) We're running out of paper for the copy machine. (W-Am) (A) How many cups would you like? (B) I'll get some more this afternoon. (C) He's much faster than I am.</p>	<p>26. Chúng ta đã hết giấy in. (A) Bạn muốn bao nhiêu cốc? (B) Tôi sẽ đi lấy một ít vào chiều nay. (C) Anh ấy nhanh hơn tôi nhiều.</p>
<p>27. (M-Au) Where will the interview take place? (W-Br) (A) It hasn't been decided. (B) Some résumés. (C) Yes, that must be it.</p>	<p>27. Buổi phỏng vấn sẽ diễn ra ở đâu? (A) Việc đó chưa được quyết định. (B) Một vài bản lí lịch. (C) Phải, chính là nó.</p>
<p>28. (W-Am) Aren't the painters coming today? (M-Cn) (A) The entire office. (B) No, they had to reschedule. (C) He does enjoy painting.</p>	<p>28. Hôm nay các thợ sơn có đến không? (A) Toàn bộ văn phòng. (B) Không, họ phải sắp xếp lại lịch. (C) Anh ấy rất thích vẽ tranh.</p>
<p>29. (W-Br) Could you direct me to the accounting office? (M-Au) (A) Several forms and documents. (B) I'm not sure where I put it. (C) Sure, just a moment, please.</p>	<p>29. Bạn có thể chỉ tôi đến văn phòng kế toán được không? (A) Một vài mẫu đơn và tài liệu. (B) Tôi không chắc là tôi để chúng ở đâu. (C) Chắc chắn rồi, đợi tôi một chút.</p>
<p>30. (M-Cn) My flight leaves at one o'clock. (W-Br) (A) Where did you leave it? (B) Once or twice. (C) That's rather soon.</p>	<p>30. Chuyến bay của tôi cất cánh lúc 1 giờ. (A) Bạn đã để nó ở đâu? (B) Một hoặc 2 lần. (C) Giờ đó khá là sớm.</p>

<p>31. (M-Au) What's the best way to get to the airport?</p> <p>(W-Am) (A) I'd take the train. (B) Yes, it's very good. (C) Next to the telephone.</p>	<p>31. Cách tốt nhất để đến sân bay là gì?</p> <p>(A) Tôi sẽ đi tàu hỏa. (B) Đúng vậy, nó rất tốt. (C) Bên cạnh điện thoại.</p>
<p>32. (M-Au) Can you review my paperwork soon?</p> <p>(M-Cn) (A) A different assignment. (B) It's a really nice view. (C) Yes, I'll be able to at four o'clock.</p>	<p>32. Bạn có thể xem qua các giấy tờ công việc của tôi sớm không?</p> <p>(A) Một sự phân công khác. (B) Nó quả thật là cảnh tuyệt đẹp. (C) Được, tôi sẽ xem qua lúc 4 giờ.</p>
<p>33. (W-Br) How can we increase our sales?</p> <p>(M-Au) (A) Your total is fifty-seven dollars. (B) Let's ask the marketing department. (C) No, that's not included.</p>	<p>33. Làm cách nào để chúng ta có thể tăng doanh số bán hàng?</p> <p>(A) Tổng tiền của bạn là 57 đô la. (B) Chúng ta hãy hỏi bộ phận tiếp thị. (C) Không, nó không được tính vào.</p>
<p>34. (M-Cn) Do you offer discounts on theater tickets?</p> <p>(W-Br) (A) Only for students. (B) We accept credit cards. (C) A wonderful play.</p>	<p>34. Bạn có khuyến mãi giảm giá trên các vé đến nhà hát không?</p> <p>(A) Chỉ dành cho sinh viên. (B) Chúng tôi chấp nhận thẻ tín dụng. (C) Một vở kịch tuyệt vời.</p>
<p>35. (M-Au) When will the article be published?</p> <p>(W-Am) (A) On the Web site. (B) For a few months. (C) After it's been edited.</p>	<p>35. Khi nào thì bài báo sẽ được xuất bản?</p> <p>(A) Trên trang web. (B) Suốt vài tháng. (C) Sau khi nó được biên tập.</p>
<p>36. (W-Br) Do you want to eat at the Italian restaurant or the Chinese one?</p> <p>(M-Cn) (A) I haven't bought any yet. (B) It's up to you. (C) It was delicious.</p>	<p>36. Bạn muốn ăn tại nhà hàng Ý hay là nhà hàng Trung Quốc?</p> <p>(A) Tôi chưa mua cái nào cả. (B) Tùy bạn quyết định. (C) Nó thật ngon miệng.</p>

<p>37. (W-Am) Why is there an extra chair in your office?</p> <p>(M-Au) (A) Yes, you can. (B) We needed it for a meeting. (C) From eight to eleven.</p>	<p>37. Tại sao lại có thêm 1 cái ghế trong văn phòng của bạn?</p> <p>(A) Đúng vậy, bạn có thể. (B) Chúng tôi đã dùng nó trong cuộc họp. (C) Từ 8 giờ đến 11 giờ.</p>
<p>38. (M-Cn) Who will be the first speaker?</p> <p>(W-Am) (A) Let me check the program. (B) Any time will be OK. (C) Could I have a second one?</p>	<p>38. Ai sẽ là diễn giả đầu tiên?</p> <p>(A) Để tôi kiểm tra chương trình. (B) Lúc nào cũng được. (C) Tôi có thể có cái thứ hai không?</p>
<p>39. (M-Au) You rented a car, didn't you?</p> <p>(W-Am) (A) Only if it's not too expensive. (B) No, they finished already. (C) Just for a part of the trip.</p>	<p>39. Bạn đã thuê một chiếc xe hơi phải không?</p> <p>(A) Chỉ khi nào nó không quá đắt. (B) Không, họ đã hoàn thành nó rồi. (C) Chỉ dành cho một phần chuyến đi.</p>
<p>40. (W-Br) We need to hire another software engineer.</p> <p>(M-Cn) (A) Where should I advertise the position? (B) I got it fixed yesterday. (C) He works in human resources.</p>	<p>40. Chúng ta cần phải thuê một kỹ sư phần mềm khác.</p> <p>(A) Tôi nên quảng cáo vị trí này ở đâu đây? (B) Hôm qua tôi đã mang nó đi sửa. (C) Anh ấy làm việc ở mảng nhân sự.</p>